



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYỀN

Học kỳ 1 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Tiếng Anh 1 - MH1109026

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110902605

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Hoàng Anh - (05033)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 30/10/2021 Giờ thi: 14.00 - 14.30 Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100158	Huỳnh Thị Thu An	29/10/2003		8.5	tạm rớt	C23QT5	
2	2110100175	Nguyễn Huỳnh Khánh Duy	05/07/2003		8.0	tạm	C23QT5	
3	2110100149	Đỗ Thị Anh Đào	03/04/2003		7.0	bảy	C23QT5	
4	2110100162	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	11/01/2003				C23QT5	
5	2110100165	Trần Mỹ Hạnh	06/06/2002				C23QT5	
6	2110100169	Phan Ngọc Hằng	20/07/2003		6.5	tạm rớt	C23QT5	Loanh
7	2110100142	Đoàn Thúy Hân	29/07/2003		6.5	sáu	C23QT5	
8	2110100161	Võ Thị Cẩm Huyền	24/05/2003		7.0	bảy	C23QT5	
9	2110100171	Nguyễn Đăng Khoa	27/05/2001		7.0	bảy	C23QT5	
10	2110100146	Ngô Trung Kiên	07/09/2003				C23QT5	
11	2110100155	Đặng Thị Phương Lam	30/09/2003		9.0	chín	C23QT5	
12	2110100160	Nguyễn Văn Minh	16/05/2003		7.0	bảy	C23QT5	
13	2110100166	Huỳnh Lê Hoài Nam	19/09/2003		7.0	bảy	C23QT5	
14	2110100164	Nguyễn Minh Nhân	05/07/2003		8.5	tạm rớt	C23QT5	Loanh
15	2110100148	Huỳnh Phan Ngọc Nhã	29/05/2003		8.5	tạm rớt	C23QT5	Nợ HP
16	2110100168	Nguyễn Thị Yến Nhi	15/01/2003		6.0	sáu	C23QT5	Loanh
17	2110100176	Lê Thị Hoài Nhiên	12/09/2003		7.0	bảy	C23QT5	
18	2110100174	Đỗ Thị Quỳnh Như	05/08/2003		7.5	bảy rớt	C23QT5	
19	2110100172	Nguyễn Thị Kiều Nương	21/10/2003		6.5	sáu rớt	C23QT5	
20	2110100154	Thạch Kim Phụng	01/05/2003				C23QT5	
21	2110100151	Nguyễn Hoàng Anh Quân	29/11/2002		9.0	chín	C23QT5	Nợ HP
22	2110100167	Dương Tiến Quý	08/02/2003		7.5	bảy rớt	C23QT5	
23	2110100145	Võ Quốc Quy	03/05/2003		7.5	bảy rớt	C23QT5	Nợ HP
24	2110100143	Nguyễn Thị Yến Tâm	03/02/2003		8.5	tạm rớt	C23QT5	
25	2110100147	Lê Minh Thành	02/04/2003		6.5	sáu rớt	C23QT5	Nợ HP
26	2110100141	Lê Nguyễn Anh Thi	16/08/2002		6.5	sáu rớt	C23QT5	
27	2110100173	Trần Quốc Thoán	10/10/2003		5.5	năm rớt	C23QT5	
28	2110100177	Đoàn Võ Minh Thư	13/01/2003		9.0	chín	C23QT5	
29	2110100150	Nguyễn Thị Minh Thư	31/03/2003		6.5	sáu rớt	C23QT5	
30	2110100144	Bùi Thị Thủy Tiên	30/05/2003		8.0	tạm	C23QT5	
31	2110100163	Kim Thị Kiều Tiên	08/09/2003		8.5	tạm rớt	C23QT5	
32	2110100156	Trần Thị Thủy Tiên	01/11/2003		5.0	năm	C23QT5	
33	2110100170	Đỗ Phương Tiến	16/01/2003		9.0	chín	C23QT5	
34	2110100153	Nguyễn Thùy Trang	16/01/2003		8.0	tạm	C23QT5	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2110100157	Nguyễn Xuân Tùng	01/08/2003		85	Tám mươi	C23QT5	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 35 vắng thi: 04 Số bài thi: 31 / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 31 / 35

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày 8 tháng 12 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

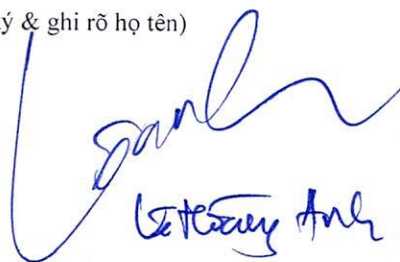


Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày 11 tháng 11 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Lê Thị Huyền Anh



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Tiếng Anh 1 - MH1109026

Mã lớp học phần: MH110902605

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Hoàng Anh - (05033)

Ngày thi: 06/11/2021 Giờ thi: 14:00 - 14:45 Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100158	Huỳnh Thị Thu An	29/10/2003		9.5	chính rớt	C23QT5	
2	2110100175	Nguyễn Huỳnh Khánh Duy	05/07/2003		9.0	chính	C23QT5	
3	2110100149	Đỗ Thị Anh Đào	03/04/2003		9.5	chính rớt	C23QT5	
4	2110100162	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	11/01/2003				C23QT5	
5	2110100165	Trần Mỹ Hạnh	06/06/2002				C23QT5	
6	2110100169	Phan Ngọc Hằng	20/07/2003		9.0	chính	C23QT5	
7	2110100142	Đoàn Thúy Hân	29/07/2003		8.0	tạm	C23QT5	
8	2110100161	Võ Thị Cẩm Huyền	24/05/2003		9.0	chính	C23QT5	
9	2110100171	Nguyễn Đăng Khoa	27/05/2001		0.5	chính rớt	C23QT5	
10	2110100146	Ngô Trung Kiên	07/09/2003		9.0	chính	C23QT5	
11	2110100155	Đặng Thị Phương Lam	30/09/2003		8.5	tạm rớt	C23QT5	
12	2110100160	Nguyễn Văn Minh	16/05/2003		8.0	tạm	C23QT5	
13	2110100166	Huỳnh Lê Hoài Nam	19/09/2003		5.0	nhỏ	C23QT5	Sanh
14	2110100164	Nguyễn Minh Nhân	05/07/2003		8.0	tạm	C23QT5	
15	2110100148	Huỳnh Phan Ngọc Nhã	29/05/2003		8.5	tạm rớt	C23QT5	Nợ HP
16	2110100168	Nguyễn Thị Yến Nhi	15/01/2003		7.0	bảy	C23QT5	
17	2110100176	Lê Thị Hoài Nhiên	12/09/2003		8.5	tạm rớt	C23QT5	
18	2110100174	Đỗ Thị Quỳnh Như	05/08/2003		10.0	một	C23QT5	
19	2110100172	Nguyễn Thị Kiều Nương	21/10/2003		5.5	nhỏ rớt	C23QT5	
20	2110100154	Thạch Kim Phụng	01/05/2003				C23QT5	
21	2110100151	Nguyễn Hoàng Anh Quân	29/11/2002		9.5	chính rớt	C23QT5	Nợ HP
22	2110100167	Dương Tiến Quý	08/02/2003		9.0	chính	C23QT5	
23	2110100145	Võ Quốc Quy	03/05/2003		9.0	chính	C23QT5	Nợ HP
24	2110100143	Nguyễn Thị Yến Tâm	03/02/2003		9.5	chính rớt	C23QT5	
25	2110100147	Lê Minh Thành	02/04/2003		7.5	bảy rớt	C23QT5	Nợ HP
26	2110100141	Lê Nguyễn Anh Thi	16/08/2002		9.0	chính	C23QT5	
27	2110100173	Trần Quốc Thoán	10/10/2003		7.5	bảy rớt	C23QT5	
28	2110100177	Đoàn Võ Minh Thư	13/01/2003		9.0	chính	C23QT5	
29	2110100150	Nguyễn Thị Minh Thư	31/03/2003		7.5	bảy rớt	C23QT5	
30	2110100144	Bùi Thị Thủy Tiên	30/05/2003		9.0	chính	C23QT5	
31	2110100163	Kim Thị Kiều Tiên	08/09/2003		6.0	sáu	C23QT5	
32	2110100156	Trần Thị Thủy Tiên	01/11/2003		8.5	tạm rớt	C23QT5	
33	2110100170	Đỗ Phương Tiến	16/01/2003		9.0	chính	C23QT5	
34	2110100153	Nguyễn Thùy Trang	16/01/2003		9.0	chính	C23QT5	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2110100157	Nguyễn Xuân Tùng	01/08/2003		95	chỉ với	C23QT5	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 35 vắng thi: 03 Số bài thi: 32 / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 32 / 35

Tỷ lệ đạt: _____, _____%

Ngày 10 tháng 12 năm 2021

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Oan

Ngày 11 tháng 11 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG:

F
KHẢO T



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Tiếng Anh 1 - MH1109026

Mã lớp học phần: MH110902605

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Hoàng Anh - (05033)

Ngày thi: 29/11/2021 Giờ thi: 14:00 - 14:30 Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110120048	Nguyễn Trường An	03/07/2002		8.5	tạm rớt	C23TC2	
2	2110100210	Phan Thị Mai Anh	07/07/2003		9.0	chấp	C23QT7	
3	2110100213	Huỳnh Công Hậu	11/08/2002		5.0	nam	C23QT7	Nợ HP
4	2110100212	Nguyễn Quang Hùng	27/09/2001		6.5	sai rớt	C23QT7	
5	2110010133	Trần Thị Linh	24/01/2002		7.0	bay	C23TH4	
6	2110010136	Lý Hoàng Long	24/12/2003	Ly	7.0	bay	C23TH4	
7	2110100211	Trương Thị Kim Tuyền	19/09/2003		9.0	chấp	C23QT7	Nợ HP

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 07 vắng thi: 0. Số bài thi: 07 / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 07/ 07 Tỷ lệ đạt: 100, ____ %

Ngày 10 tháng 12 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Anh

Ngày 08 tháng 12 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Hoàng Anh



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Tiếng Anh 1 - MH1109026

Mã lớp học phần: MH110902605

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Hoàng Anh - (05033)

Ngày thi: 06/11/2021 Giờ thi: 14:00 - 14:45 Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110120048	Nguyễn Trường An	03/07/2002		6.5	sau rớt	C23TC2	
2	2110100210	Phan Thị Mai Anh	07/07/2003		9.0	tạm	C23QT7	
3	2110100213	Huỳnh Công Hậu	11/08/2002		9.0	chín	C23QT7	Nợ HP
4	2110100212	Nguyễn Quang Hùng	27/09/2001		6.5	sau rớt	C23QT7	
5	2110010133	Trần Thị Linh	24/01/2002		9.5	chín rớt	C23TH4	
6	2110010136	Lý Hoàng Long	24/12/2003	Lo	9.0	chín	C23TH4	
7	2110100211	Trương Thị Kim Tuyền	19/09/2003		8.0	tạm	C23QT7	Nợ HP

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 07 vắng thi: 0. Số bài thi: 07 / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 07/ 07 Tỷ lệ đạt: 100, ____%

Ngày 10 tháng 12 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Đan

Ngày 08 tháng 12 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Hoàng Anh

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYỀN

Học kỳ 1 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Tiếng Anh 1 - MH1109026

Mã lớp học phần: MH110902605

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Hoàng Anh - (05033)

Ngày thi: 20/10/2021 Giờ thi: 14:00-14:30 Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100208	Nguyễn Thị Tân Anh	10/03/2003		9.0	chín	C23QT6	
2	2110100198	Phạm Gia Bảo	15/07/2003		9.0	chín	C23QT6	
3	2110010086	Tạ Tấn Công	20/03/2003		5.0	năm	C23QT6	Nợ HP
4	2110100194	Phạm Thị Thùy Dung	23/09/2001		9.0	chín	C23QT6	
5	2110100188	Nguyễn Thị Kim Duyên	07/06/2002		7.0	bảy	C23QT6	Nợ HP
6	2110100192	Hồng Gia Đức	06/11/2003		9.5	chín rưỡi	C23QT6	lành
7	2110100204	Phạm Nguyễn Tuyền Giang	10/06/2003		7.5	bảy rưỡi	C23QT6	lành
8	2110100199	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	07/11/2003		10.0	mười	C23QT6	lành
9	2110100179	Phan Thanh Hoàng	15/10/2002		9.5	chín rưỡi	C23QT6	
10	2110100184	Võ Gia Huy	21/03/2002		8.0	tám	C23QT6	
11	2110100202	Trần Thị Trúc Huỳnh	04/08/2003		7.5	bảy rưỡi	C23QT6	
12	2110100187	Nguyễn Ngọc Lan Hương	04/04/2003		9.0	chín	C23QT6	
13	2110100193	Nguyễn Khánh Linh	18/06/2003		6.5	sáu rưỡi	C23QT6	
14	2110040052	Cao Tấn Lộc	15/05/2003		7.0	bảy	C23QT6	Nợ HP
15	2110100195	Nguyễn Thị Triệu Mẫn	06/05/2003		5.0	năm	C23QT6	
16	2110100190	Nguyễn Thị Minh	15/10/2003		4.0	bốn	C23QT6	
17	2110100180	Phạm Thành Nam	06/11/2003				C23QT6	
18	2110100189	Nguyễn Kim Ngọc	13/02/2003		8.5	tám rưỡi	C23QT6	
19	2110100181	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	04/08/2003		10.0	mười	C23QT6	lành
20	2110100201	Bùi Yến Như	17/04/2001				C23QT6	
21	2110100197	Nguyễn Vũ Nhựt	25/06/2003		10.0	mười	C23QT6	
22	2110100185	Phạm Hoàng Phúc	17/08/2003		7.5	bảy rưỡi	C23QT6	
23	2110100205	Trần Viết Sang	05/11/2003		9.0	chín	C23QT6	
24	2110100207	Đặng Thị Phương Thanh	12/10/2003		9.0	chín	C23QT6	
25	2110100183	Nguyễn Thanh Thảo	14/01/2003		7.5	bảy rưỡi	C23QT6	
26	2110100196	Hà Lê Hoàng Thái	23/09/2003		9.0	chín	C23QT6	
27	2110100191	Nguyễn Thanh Thái	07/05/2003		9.5	chín rưỡi	C23QT6	
28	2110100186	Lê Thị Hồng Thắm	18/10/2003		9.5	chín rưỡi	C23QT6	
29	2110100209	Trần Huệ Thiện	19/07/2002		6.0	sáu	C23QT6	
30	2110130027	Trần Ngọc Anh Thư	04/08/2003		8.5	tám rưỡi	C23QT6	
31	2110100182	Trần Trung Tín	09/02/2003		7.5	bảy rưỡi	C23QT6	Nợ HP
32	2110100178	Bơ Nah Rìa Prong Tuệ	02/04/2003		6.0	sáu	C23QT6	lành
33	2110100206	Nguyễn Hồ Thanh Tú	19/04/2003		9.0	chín	C23QT6	
34	2110100200	Phan Thạch Hồng Vân	15/02/2003		10.0	mười	C23QT6	lành

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2110100203	Bùi Công Vinh	14/10/2003		70	bảy	C23QT6	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 35 vắng thi: 02 . Số bài thi: 33 / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 33 / 35 Tỷ lệ đạt: _____, _____%

Ngày 10 tháng 12 năm 2021

L TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

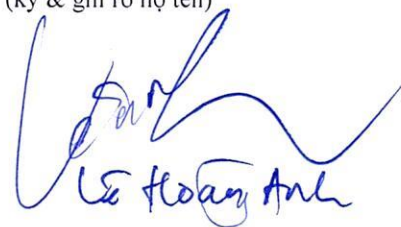


Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày 11 tháng 11 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Lê Hoàng Anh

TRƯỞNG

KHÁC

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Tiếng Anh 1 - MH1109026

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110902605

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Hoàng Anh - (05033)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 30/10/2021 Giờ thi: 14:00-14:30 Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110120047	Nguyễn Trần Châu	18/12/2003		9.5	chín rưỡi	C23TC2	loanh
2	2110120046	Trần Thị Huỳnh	07/07/2003		9.0	chín	C23TC2	Nợ HP
3	2110120041	Trần Thị Bích	06/05/2003		9.5	chín rưỡi	C23TC2	
4	2110120040	Nguyễn Thị Ngọc	07/05/2003		9.0	chín	C23TC2	
5	2110010133	Trần Thị	24/01/2002				C23TH4	Nợ HP
6	2110120042	Phạm Huỳnh Khánh	04/08/2003		8.5	tám rưỡi	C23TC2	
7	2110120043	Đỗ Hà Minh	11/02/2003		5.0	năm	C23TC2	
8	2110120037	Từ Hạnh	20/06/2003		9.0	chín	C23TC2	
9	2110120045	Nguyễn Phạm Thanh	04/11/2003		7.5	bảy rưỡi	C23TC2	
10	2110120038	Võ Duy	06/05/2003		9.5	chín rưỡi	C23TC2	
11	2110120044	Lê Hoàng	29/09/2003		9.0	chín	C23TC2	
12	2110120039	Nguyễn Anh	23/04/2003		7.0	bảy	C23TC2	
13	2110120036	Nguyễn Thị Thu	12/04/2003		6.5	sáu rưỡi	C23TC2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: _____ vắng thi: _____, Số bài thi: _____ / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày: 10 tháng 12 năm 2021

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Anh

Ngày: 11 tháng 11 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Hoàng Anh



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Tiếng Anh 1 - MH1109026

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110902605

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Hoàng Anh - (05033)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 06/11/2021 Giờ thi: 14:00-14:45 Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100208	Nguyễn Thị Tân Anh	10/03/2003		9.5	chín rưỡi	C23QT6	
2	2110100198	Phạm Gia Bảo	15/07/2003		10.0	mười	C23QT6	
3	2110010086	Tạ Tấn Công	20/03/2003		7.5	bảy rưỡi	C23QT6	Nợ HP
4	2110100194	Phạm Thị Thùy Dung	23/09/2001		9.0	chín	C23QT6	
5	2110100188	Nguyễn Thị Kim Duyên	07/06/2002		7.5	bảy rưỡi	C23QT6	Nợ HP
6	2110100192	Hồng Gia Đức	06/11/2003		10.0	mười	C23QT6	
7	2110100204	Phạm Nguyễn Tuyền	10/06/2003		9.0	chín	C23QT6	
8	2110100199	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	07/11/2003		8.5	tám rưỡi	C23QT6	
9	2110100179	Phan Thanh Hoàng	15/10/2002		9.0	chín	C23QT6	
10	2110100184	Võ Gia Huy	21/03/2002		9.0	chín	C23QT6	
11	2110100202	Trần Thị Trúc Huỳnh	04/08/2003		10.0	mười	C23QT6	
12	2110100187	Nguyễn Ngọc Lan Hương	04/04/2003		8.5	tám rưỡi	C23QT6	
13	2110100193	Nguyễn Khánh Linh	18/06/2003		6.0	sáu	C23QT6	
14	2110040052	Cao Tấn Lộc	15/05/2003		6.5	sáu rưỡi	C23QT6	Nợ HP
15	2110100195	Nguyễn Thị Triệu Mẫn	06/05/2003		6.0	sáu	C23QT6	
16	2110100190	Nguyễn Thị Minh	15/10/2003		7.0	bảy	C23QT6	
17	2110100180	Phạm Thành Nam	06/11/2003				C23QT6	
18	2110100189	Nguyễn Kim Ngọc	13/02/2003		7.5	bảy rưỡi	C23QT6	
19	2110100181	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	04/08/2003		9.0	chín	C23QT6	
20	2110100201	Bùi Yến Như	17/04/2001				C23QT6	
21	2110100197	Nguyễn Vũ Nhật	25/06/2003		9.5	chín rưỡi	C23QT6	
22	2110100185	Phạm Hoàng Phúc	17/08/2003		7.5	bảy rưỡi	C23QT6	
23	2110100205	Trần Viết Sang	05/11/2003		9.0	chín	C23QT6	
24	2110100207	Đặng Thị Phương Thanh	12/10/2003		9.5	chín rưỡi	C23QT6	
25	2110100183	Nguyễn Thanh Thảo	14/01/2003		7.0	bảy	C23QT6	
26	2110100196	Hà Lê Hoàng Thái	23/09/2003		8.5	tám rưỡi	C23QT6	
27	2110100191	Nguyễn Thanh Thái	07/05/2003		8.5	tám rưỡi	C23QT6	
28	2110100186	Lê Thị Hồng Thắm	18/10/2003		8.5	tám rưỡi	C23QT6	
29	2110100209	Trần Huệ Thiện	19/07/2002		8.0	tám	C23QT6	
30	2110130027	Trần Ngọc Anh Thư	04/08/2003		9.5	chín rưỡi	C23QT6	
31	2110100182	Trần Trung Tín	09/02/2003		6.0	sáu	C23QT6	Nợ HP
32	2110100178	Bơ Nah Ria Prong Tuệ	02/04/2003		7.5	bảy rưỡi	C23QT6	
33	2110100206	Nguyễn Hồ Thanh Tú	19/04/2003		7.5	bảy rưỡi	C23QT6	
34	2110100200	Phan Thạch Hồng Vân	15/02/2003		9.5	chín rưỡi	C23QT6	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2110100203	Bùi Công Vinh	14/10/2003		10,0	mười	C23QT6	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 35 vắng thi: 02. Số bài thi: 33 / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 33 / 35

Tỷ lệ đạt: _____, _____%

Ngày 10 tháng 12 năm 2021

P TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Dương Anh

Ngày 11 tháng 11 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Hoàng Anh

TRƯỞNG

KHẨN

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Tiếng Anh 1 - MH1109026

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110902605

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Hoàng Anh - (05033)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 06/11/2021 Giờ thi: 14:00-14:45 Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110120047	Nguyễn Trần Châu	18/12/2003		8.5	tạm rời	C23TC2	
2	2110120046	Trần Thị Huỳnh	07/07/2003		9.0	chín	C23TC2	Nợ HP
3	2110120041	Trần Thị Bích	06/05/2003		7.5	bảy rưỡi	C23TC2	
4	2110120040	Nguyễn Thị Ngọc	07/05/2003		9.0	chín	C23TC2	
5	2110010133	Trần Thị	24/01/2002				C23TH4	Nợ HP
6	2110120042	Phạm Huỳnh Khánh	04/08/2003		8.0	tám	C23TC2	
7	2110120043	Đỗ Hà Minh	11/02/2003		7.5	bảy rưỡi	C23TC2	
8	2110120037	Từ Hạnh	20/06/2003		9.0	chín	C23TC2	
9	2110120045	Nguyễn Phạm Thanh	04/11/2003		7.5	bảy rưỡi	C23TC2	
10	2110120038	Võ Duy	06/05/2003		10.0	mười	C23TC2	
11	2110120044	Lê Hoàng	29/09/2003		8.5	tám rưỡi	C23TC2	
12	2110120039	Nguyễn Anh	23/04/2003		9.0	chín	C23TC2	
13	2110120036	Nguyễn Thị Thu	12/04/2003		6.0	sáu	C23TC2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____, Số bài thi: _____ / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày 10 tháng 12 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

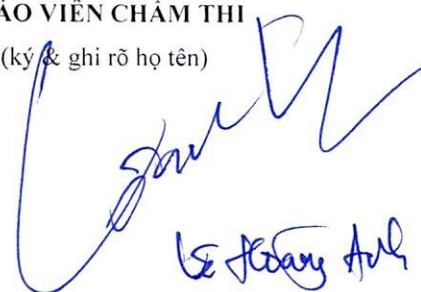


Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày 11 tháng 11 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Lê Hoàng Anh

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Tiếng Anh 1 - MH1109026

Mã lớp học phần: MH110902605

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Hoàng Anh

Ngày thi: 31/03/2022

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: PM 3

Giám thị 1: Đặng Văn Tuấn Ký tên: Đặng Văn Tuấn

Giám thị 2: Trần Nguyễn Ký tên: Trần Nguyễn

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110120048	Nguyễn Trường An	03/07/2002	<u>Trần</u>				C23TC2	
2	2110100210	Phan Thị Mai Anh	07/07/2003	<u>Phan</u>				C23QT5	
3	2110100213	Huỳnh Công Hậu	08/11/2002	<u>Huỳnh</u>				C23QT5	
4	2110100212	Nguyễn Quang Hùng	27/09/2001	<u>Nguyễn</u>			✓	C23QT5	
5	2110010136	Lý Hoàng Long	24/12/2003	<u>Lý</u>				C23TH4	
6	2110100151	Nguyễn Hoàng Anh Quân	29/11/2002	<u>Nguyễn</u>			✓	C23QT5	Nợ HP
7	2110100167	Dương Tiến Quý	08/02/2003	<u>Dương</u>				C23QT5	
8	2110100145	Võ Quốc Quy	03/05/2003	<u>Võ</u>				C23QT5	
9	2110100205	Trần Việt Sang	05/11/2003	<u>Trần</u>				C23QT6	
10	2110120045	Nguyễn Phạm Thanh Tài	04/11/2003	<u>Nguyễn</u>				C23TC2	
11	2110100143	Nguyễn Thị Yến Tâm	03/02/2003	<u>Nguyễn</u>				C23QT5	
12	2110100207	Đặng Thị Phương Thanh	12/10/2003	<u>Đặng</u>				C23QT6	
13	2110100147	Lê Minh Thành	02/04/2003	<u>Lê</u>				C23QT5	
14	2110100183	Nguyễn Thanh Thảo	14/01/2003	<u>Nguyễn</u>				C23QT6	
15	2110100196	Hà Lê Hoàng Thái	23/09/2003	<u>Hà</u>				C23QT6	
16	2110100191	Nguyễn Thanh Thái	07/05/2003	<u>Nguyễn</u>			✓	C23QT6	
17	2110100186	Lê Thị Hồng Thắm	18/10/2003	<u>Lê</u>				C23QT6	
18	2110100141	Lê Nguyễn Anh Thi	16/08/2002	<u>Lê</u>				C23QT5	
19	2110100209	Trần Huệ Thiện	19/07/2002	<u>Trần</u>			✓	C23QT6	
20	2110120038	Võ Duy Thịnh	06/05/2003	<u>Võ</u>				C23TC2	
21	2110100173	Trần Quốc Thoán	10/10/2003	<u>Trần</u>				C23QT5	
22	2110120044	Lê Hoàng Thuận	29/09/2003	<u>Lê</u>				C23TC2	
23	2110100177	Đoàn Võ Minh Thư	13/01/2003	<u>Đoàn</u>				C23TA	
24	2110120039	Nguyễn Anh Thư	23/04/2003	<u>Nguyễn</u>				C23TC2	
25	2110100150	Nguyễn Thị Minh Thư	31/03/2003	<u>Nguyễn</u>			✓	C23QT5	
26	2110130027	Trần Ngọc Anh Thư	04/08/2003	<u>Trần</u>			✓	C23QT6	
27	2110100144	Bùi Thị Thủy Tiên	30/05/2003	<u>Bùi</u>				C23QT5	
28	2110100163	Kim Thị Kiều Tiên	08/09/2003	<u>Kim</u>				C23QT5	
29	2110100156	Trần Thị Thủy Tiên	01/11/2003	<u>Trần</u>				C23QT5	
30	2110100170	Đỗ Phương Tiến	16/01/2003	<u>Đỗ</u>			✓	C23QT5	
31	2110100182	Trần Trung Tín	09/02/2003	<u>Trần</u>			✓	C23QT6	Nợ HP
32	2110120036	Nguyễn Thị Thu Trang	12/04/2003	<u>Nguyễn</u>				C23TC2	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2110100153	Nguyễn Thùy Trang	16/01/2003					C23QT5	
34	2110100178	Bơ Nah Rĩa Prong Tuệ	02/04/2003					C23QT6	
35	2110100211	Trương Thị Kim Tuyền	19/09/2003					C23QT5	Nợ HP
36	2110100157	Nguyễn Xuân Tùng	01/08/2003					C23QT5	
37	2110100206	Nguyễn Hồ Thanh Tú	19/04/2003				✓	C23QT6	
38	2110100200	Phan Thạch Hồng Vân	15/02/2003				✓	C23QT6	
39	2110100203	Bùi Công Vinh	14/10/2003				✓	C23QT6	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 39 vắng thi: 8 . Số bài thi/Số tờ: 32 / _____.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Hoàng Anh



BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 1 - Năm học 2021-2022

Môn học: Tiếng Anh 1

Mã bài thi: KO9TZ2

Thời gian thi: 31/03/2022 15:15:00

Thời gian kết thúc: 31/03/2022 16:15:00

Giám thị 1:

Ký tên:

Giám thị 2:

Ký tên:

Giám thị 3:

Ký tên:

Giám thị 4:

Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110120048	Nguyễn Trường An	03/07/2002		8.8	Tám, tám	C23TC2	
2	2110100210	Phan Thị Mai Anh	07/07/2003		7.2	Bảy, hai	C23QT6	
3	2110100213	Huỳnh Công Hậu	11/08/2002		8.4	Tám, bốn	C23QT7	
4	2110010136	Lý Hoàng Long	24/12/2003		6.4	Sáu, bốn	C23TH4	
5	2110100167	Dương Tiên Quý	08/02/2003		8.8	Tám, tám	C23QT5	
6	2110100145	Võ Quốc Quy	03/05/2003		8	Tám	C23QT5	
7	2110100205	Trần Viết Sang	05/11/2003		7.6	Bảy, sáu	C23QT6	
8	2110120045	Nguyễn Phạm Thanh Tài	04/11/2003		8	Tám	C23TC2	
9	2110100143	Nguyễn Thị Yến Tâm	03/02/2003		7.4	Bảy, bốn	C23QT5	
10	2110100196	Hà Lê Hoàng Thái	23/09/2003		9.4	Chín, bốn	C23QT6	
11	2110100186	Lê Thị Hồng Thắm	18/10/2003		8	Tám	C23QT6	
12	2110100207	Đặng Thị Phương Thanh	12/10/2003		7.2	Bảy, hai	C23QT6	
13	2110100147	Lê Minh Thành	02/04/2003		7.8	Bảy, tám	C23QT5	
14	2110100183	Nguyễn Thanh Thảo	14/01/2003		8.6	Tám, sáu	C23QT6	
15	2110100141	Lê Nguyễn Anh Thi	16/08/2002		8.2	Tám, hai	C23QT5	
16	2110120038	Võ Duy Thịnh	06/05/2003		9.4	Chín, bốn	C23TC2	
17	2110100173	Trần Quốc Thoãn	10/10/2003		7.8	Bảy, tám	C23QT5	
18	2110100177	Đoàn Võ Minh Thư	13/01/2003		7.8	Bảy, tám	C23QT5	
19	2110100150	Nguyễn Thị Minh Thư	31/03/2003		7.2	Bảy, hai	C23QT5	
20	2110120039	Nguyễn Anh Thư	23/04/2003		7	Bảy	C23TC2	
21	2110120044	Lê Hoàng Thuận	29/09/2003		7.2	Bảy, hai	C23TC2	
22	2110100144	Bùi Thị Thủy Tiên	30/05/2003		7.6	Bảy, sáu	C23QT5	
23	2110100163	Kim Thị Kiều Tiên	08/09/2003		8.4	Tám, bốn	C23QT5	
24	2110100156	Trần Thị Thủy Tiên	01/11/2003		6.2	Sáu, hai	C23QT5	
25	2110100170	Đỗ Phương Tiến	16/01/2003		8.4	Tám, bốn	C23QT5	
26	2110100153	Nguyễn Thùy Trang	16/01/2003		7.8	Bảy, tám	C23QT5	
27	2110120036	Nguyễn Thị Thu Trang	12/04/2003		7.4	Bảy, bốn	C23TC2	
28	2110100178	Bơ Nah Ria Prong Tuệ	04/02/2003		9	Chín	C23QT6	
29	2110100157	Nguyễn Xuân Tùng	01/08/2003		8.2	Tám, hai	C23QT5	
30	2110100211	Trương Thị Kim Tuyền	19/09/2003		8.6	Tám, sáu	C23QT6	
31	2110100200	Phan Thạch Hồng Vân	01/01/1900		9.4	Chín, bốn	C23QT6	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 31

Số sinh viên đạt: 31

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày ____ tháng ____ năm 2022

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Tiếng Anh 1 - MH1109026

Mã lớp học phần: MH110902605

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Hoàng Anh

Ngày thi: 31/03/2022

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: PM 2

Giám thị 1: Nhân V Long Ký tên: _____

Giám thị 2: Ngô Tiêm Dũng Ký tên: _____

Giám thị 3: Trương Sơn Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100158	Huỳnh Thị Thu An	29/10/2003	<u>An</u>				C23QT5	
2	2110100208	Nguyễn Thị Tân Anh	10/03/2003	<u>Tân Anh</u>				C23QT6	
3	2110100198	Phạm Gia Bảo	15/07/2003	<u>Bao</u>				C23QT6	
4	2110010086	Tạ Tấn Công	20/03/2003					C23QT6	
5	2110100194	Phạm Thị Thùy Dung	23/09/2001	<u>Dung</u>				C23QT6	
6	2110100175	Nguyễn Huỳnh Khánh Duy	05/07/2003	<u>Khánh Duy</u>				C23QT5	
7	2110100188	Nguyễn Thị Kim Duyên	07/06/2002	<u>Duyên</u>				C23QT6	
8	2110100149	Đỗ Thị Anh Đào	03/04/2003	<u>Anh Đào</u>				C23QT5	
9	2110100192	Hồng Gia Đức	06/11/2003	<u>Đức</u>				C23QT6	
10	2110120047	Nguyễn Trần Châu Giang	18/12/2003	<u>Giang</u>				C23TC2	
11	2110100204	Phạm Nguyễn Tuyền Giang	01/06/2003	<u>Giang</u>				C23QT6	
12	2110100199	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	07/11/2003	<u>Ngọc Giàu</u>				C23QT6	
13	2110120046	Trần Thị Huỳnh Hạ	07/07/2003	<u>Hạ</u>				C23TC2	
14	2110100169	Phan Ngọc Hằng	20/07/2003	<u>Hằng</u>				C23QT5	
15	2110100142	Đoàn Thúy Hân	29/07/2003					C23QT5	
16	2110100179	Phan Thanh Hoàng	15/10/2002	<u>Hoàng</u>				C23QT6	
17	2110100184	Võ Gia Huy	21/03/2002					C23QT6	
18	2110100161	Võ Thị Cẩm Huyền	24/05/2003					C23QT5	
19	2110100202	Trần Thị Trúc Huỳnh	04/08/2003	<u>Huỳnh</u>				C23QT6	
20	2110100187	Nguyễn Ngọc Lan Hương	04/04/2003	<u>Hương</u>				C23QT6	
21	2110100171	Nguyễn Đăng Khoa	27/05/2001	<u>Khoa</u>				C23QT5	
22	2110100155	Đặng Thị Phương Lam	30/09/2003	<u>Lam</u>				C23QT5	
23	2110120041	Trần Thị Bích Liễu	06/05/2003	<u>Liều</u>				C23TC2	
24	2110100193	Nguyễn Khánh Linh	18/06/2003	<u>Linh</u>				C23QT6	
25	2110120040	Nguyễn Thị Ngọc Linh	07/05/2003	<u>Linh</u>				C23TC2	
26	2110010133	Trần Thị Linh	24/01/2002					C23TH4	
27	2110040052	Cao Tấn Lộc	15/05/2003	<u>Lộc</u>				C23QT6	
28	2110120042	Phạm Huỳnh Khánh Mai	04/08/2003	<u>Mai</u>				C23TC2	
29	2110100195	Nguyễn Thị Triệu Mẫn	06/05/2003					C23QT6	
30	2110100190	Nguyễn Thị Minh	15/10/2003					C23QT6	
31	2110100160	Nguyễn Văn Minh	16/05/2003	<u>Minh</u>				C23QT5	
32	2110100166	Huỳnh Lê Hoài Nam	19/09/2003	<u>Nam</u>				C23QT5	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2110100189	Nguyễn Kim Ngọc	13/02/2003					C23QT6	
34	2110100164	Nguyễn Minh Nhân	05/07/2003	<i>R</i>				C23QT5	
35	2110100148	Huỳnh Phan Ngọc Nhã	29/05/2003					C23QT5	Nợ HP
36	2110120043	Đỗ Hà Minh Nhật	11/02/2003	<i>nhật</i>				C23TC2	
37	2110100181	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	04/08/2003	<i>Thị</i>				C23QT6	
38	2110100168	Nguyễn Thị Yến Nhi	15/01/2003					C23QT5	
39	2110100176	Lê Thị Hoài Nhiên	12/09/2003	<i>Nhiên</i>				C23QT5	
40	2110100174	Đỗ Thị Quỳnh Như	05/08/2003	<i>Quỳnh</i>				C23QT5	
41	2110100197	Nguyễn Vũ Nhựt	25/06/2003	<i>Nhật</i>				C23QT6	
42	2110100172	Nguyễn Thị Kiều Nương	21/10/2003	<i>Nương</i>				C23QT5	
43	2110100185	Phạm Hoàng Phúc	17/08/2003					C23QT6	
44	2110120037	Từ Hạnh Phương	20/06/2003					C23TC2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: _____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ: _____/_____.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: ____%

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG CĐ B

PH
KHẢO THÍ

Nguyễn Lê Phương Anh

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Có Hoàng Anh

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 1 - Năm học 2021-2022

Môn học: Tiếng Anh 1

Mã bài thi: OY19PY

Thời gian thi: 31/03/2022 15:15:00

Thời gian kết thúc: 31/03/2022 16:15:00

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____
Giám thị 2: Nguyễn Đình Ký tên: Nguyễn Đình
Giám thị 3: Lê Trung Sơn Ký tên: Lê Trung Sơn
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100158	Huỳnh Thị Thu An	29/10/2003	<u>An</u>	7.4	Bảy, bốn	C23QT5	
2	2110100208	Nguyễn Thị Tân Anh	10/03/2003	<u>Anh</u>	8	Tám	C23QT6	
3	2110100198	Phạm Gia Bảo	15/07/2003	<u>Bao</u>	9	Chín	C23QT6	
4	2110100149	Đỗ Thị Anh Đào	03/04/2003	<u>Anh Đào</u>	8.8	Tám, tám	C23QT5	
5	2110100192	Hồng Gia Đức	06/11/2003	<u>Đức</u>	8	Tám	C23QT6	
6	2110100194	Phạm Thị Thùy Dung	23/09/2001	<u>Dung</u>	8.4	Tám, bốn	C23QT6	
7	2110100175	Nguyễn Huỳnh Khánh Duy	05/07/2003	<u>Khánh Duy</u>	8.4	Tám, bốn	C23QT5	
8	2110100188	Nguyễn Thị Kim Duyên	07/06/2002	<u>Duyên</u>	8.2	Tám, hai	C23QT6	
9	2110100204	Phạm Nguyễn Tuyền Giang	01/01/1900	<u>Giang</u>	7.8	Bảy, tám	C23QT6	
10	2110120047	Nguyễn Trần Châu Giang	18/12/2003	<u>Giang</u>	7	Bảy	C23TC2	
11	2110100199	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	01/01/1900	<u>Giàu</u>	9.2	Chín, hai	C23QT6	
12	2110120046	Trần Thị Huỳnh Hạ	07/07/2003	<u>Hạ</u>	7.2	Bảy, hai	C23TC2	
13	2110100169	Phan Ngọc Hằng	20/07/2003	<u>Hằng</u>	8.2	Tám, hai	C23QT5	
14	2110100179	Phan Thanh Hoàng	15/10/2002	<u>Hoàng</u>	8.4	Tám, bốn	C23QT6	
15	2110100187	Nguyễn Ngọc Lan Hương	01/01/1900	<u>Hương</u>	7	Bảy	C23QT6	
16	2110100161	Võ Thị Cẩm Huyền	24/05/2003	<u>Huyền</u>	6.8	Sáu, tám	C23QT5	
17	2110100202	Trần Thị Trúc Huỳnh	04/08/2003	<u>Huỳnh</u>	6.4	Sáu, bốn	C23QT6	
18	2110100171	Nguyễn Đăng Khoa	27/05/2001	<u>Khoa</u>	8.8	Tám, tám	C23QT5	
19	2110100155	Đặng Thị Phương Lam	30/09/2003	<u>Lam</u>	8.8	Tám, tám	C23QT5	
20	2110120041	Trần Thị Bích Liễu	06/05/2003	<u>Liêu</u>	7	Bảy	C23TC2	
21	2110120040	Nguyễn Thị Ngọc Linh	07/05/2003	<u>Linh</u>	6	Sáu	C23TC2	
22	2110100193	Nguyễn Khánh Linh	18/06/2003	<u>Linh</u>	9.2	Chín, hai	C23QT6	
23	2110010133	Trần Thị Linh	24/01/2003	<u>Linh</u>	7.8	Bảy, tám	C23TH4	
24	2110040052	Cao Tấn Lộc	15/05/2003	<u>Lộc</u>	4.2	Bốn, hai	C23QT6	
25	2110120042	Phạm Huỳnh Khánh Mai	04/08/2003	<u>Mai</u>	7.4	Bảy, bốn	C23TC2	
26	2110100160	Nguyễn Văn Minh	16/05/2003	<u>Minh</u>	8.4	Tám, bốn	C23QT5	
27	2110100166	Huỳnh Lê Hoài Nam	19/09/2003	<u>Nam</u>	4.8	Bốn, tám	C23QT5	
28	2110100164	Nguyễn Minh Nhân	05/07/2003	<u>Nhan</u>	8.4	Tám, bốn	C23QT5	
29	2110120043	Đỗ Hà Minh Nhật	11/02/2003	<u>Nhat</u>	8	Tám	C23TC2	
30	2110100181	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	04/08/2003	<u>Nhi</u>	8.8	Tám, tám	C23QT6	
31	2110100176	Lê Thị Hoài Nhiên	12/09/2003	<u>Nhiên</u>	7.8	Bảy, tám	C23QT5	
32	2110100174	Đỗ Thị Quỳnh Như	05/08/2003	<u>Như</u>	8.6	Tám, sáu	C23QT5	
33	2110100197	Nguyễn Vũ Nhựt	25/06/2003	<u>Nhut</u>	9	Chín	C23QT6	
34	2110100172	Nguyễn Thị Kiều Nương	21/10/2003	<u>Nương</u>	8.4	Tám, bốn	C23QT5	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 34

Số sinh viên đạt: 34

Ngày 30 tháng 3 năm 2022
R TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

Ngày 30 tháng 3 năm 2022
GIẢNG VIÊN CHẤM THI

Nguyễn Lê Phương Mai

Hoàng Anh